

Số: 07 /2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 07 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 28/TTr-STP ngày 20/3/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2017 và thay thế Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp và điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 61/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế phối hợp thực hiện rà soát, hệ thống hóa, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban TT UB MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. Tr 04/4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân
Trần Hồng Quân

QUY ĐỊNH

Về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đầu mối chủ trì, cơ chế phối hợp và điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Chương II ĐẦU MỐI CHỦ TRÌ, CƠ CHẾ PHÂN CÔNG PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 3. Sở Tư pháp

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Làm đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện rà soát theo chuyên đề và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung thuộc lĩnh vực của ngành Tư pháp hoặc rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan giải quyết, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong công tác phối hợp, thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Các sở, ban, ngành tỉnh

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát thường xuyên theo nhiệm vụ và rà soát, hệ thống hóa theo chuyên đề, định kỳ văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có nội dung điều chỉnh thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành hoặc ngành đã tham mưu trình và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác này.

2. Người đứng đầu tổ chức pháp chế hoặc công chức pháp chế làm đầu mối, tham mưu, giúp thủ trưởng sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, định kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, gồm:

a) Văn bản do cơ quan đã chủ trì soạn thảo, trình ban hành.

b) Văn bản do cơ quan khác soạn thảo, trình ban hành có nội dung liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của cơ quan theo ngành, lĩnh vực.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp rà soát, hệ thống hóa văn bản

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì:

a) Xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo quy định;

b) Tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

c) Kiến nghị xử lý kết quả rà soát đối với từng nội dung, văn bản được rà soát phát hiện có quy định trái, mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp;

d) Tổ chức lấy ý kiến Sở Tư pháp bằng văn bản về kết quả rà soát văn bản theo quy định tại Điều 153, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kết quả rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với kết quả rà soát văn bản;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp:

a) Cử cán bộ, công chức tham gia theo kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Tham gia ý kiến bằng văn bản về kết quả rà soát văn bản theo đề nghị của cơ quan chủ trì; chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho việc rà soát văn bản liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 6. Trình tự xử lý kết quả rà soát văn bản

1. Cơ quan chủ trì rà soát văn bản có trách nhiệm tiếp thu ý kiến tham gia về kết quả rà soát của Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan.

2. Trường hợp không tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan về kết quả rà soát thì phải giải trình rõ lý do để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chương III CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ PHÁP LUẬT

Điều 7. Trách nhiệm cập nhật văn bản

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cập nhật văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Văn bản thuộc đối tượng cập nhật gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kể từ ngày 20/7/2015 trở về sau;

b) Văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước ngày 20/7/2015 còn hiệu lực thi hành.

Điều 8. Trách nhiệm, thời hạn cung cấp văn bản

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản giấy, văn bản điện tử (bao gồm: Định dạng word và pdf qua VIC) cho Sở Tư pháp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Thời hạn cung cấp văn bản là 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký chứng thực hoặc ký ban hành.

Trường hợp văn bản được ban hành theo quy trình rút gọn thì phải gửi đến Sở Tư pháp ngay trong ngày ký chứng thực hoặc ký ban hành.

Điều 9. Quy trình thực hiện cập nhật văn bản

1. Đối với văn bản quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 7 của Quy định này, việc cập nhật được thực hiện theo quy trình như sau:

a) Sử dụng bản chính văn bản để thực hiện cập nhật;

b) Kiểm tra, đối chiếu văn bản điện tử với bản chính văn bản, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, toàn vẹn của nội dung văn bản;

c) Tiến hành cập nhật thông tin văn bản theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

d) Đính kèm văn bản (file word và pdf);

đ) Duyệt đăng tải văn bản.

2. Đối với văn bản quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 7 của Quy định này, việc thu thập, cập nhật được thực hiện theo quy trình như sau:

a) Lập danh mục văn bản cần thu thập và thực hiện thống kê văn bản có nguồn hoặc không có nguồn;

b) Đối với văn bản có nguồn: Thực hiện cập nhật như quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này;

c) Đối với văn bản không có nguồn: Cập nhật các thông tin cơ bản về loại văn bản, số ký hiệu, trích yếu, ngày ban hành của văn bản và các thông tin khác (nếu có).

Điều 10. Thời hạn cập nhật văn bản

1. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản do Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cung cấp, Sở Tư pháp phải thực hiện cập nhật đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Đối với văn bản được ban hành theo quy trình rút gọn thì Sở Tư pháp phải thực hiện cập nhật đăng tải văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trong ngày làm việc.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 11. Cán bộ làm đầu mối thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức pháp chế phù hợp làm đầu mối thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng quản lý nhà nước của đơn vị.

2. Sở Tư pháp tổ chức quản lý và sử dụng cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản theo Quy chế tổ chức và quản lý Cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh để thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 12. Kinh phí đảm bảo

1. Hằng năm, trên cơ sở nghiên cứu chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chương trình, kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cùng dự toán kinh phí của đơn vị gửi về Sở Tài chính để tổng hợp.

2. Sở Tài chính tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí đảm bảo cho các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định của pháp luật.

3. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các tổ chức, cá nhân được giao làm đầu mối thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm tham mưu, giúp thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định hoặc khi có yêu cầu.

2. Báo cáo định kỳ về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của các sở, ban, ngành tỉnh phải gửi đến Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

3. Thời hạn gửi báo cáo, thời điểm lấy số liệu được thực hiện theo quy định về công tác thống kê, báo cáo của ngành Tư pháp.

Điều 14. Đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc: Hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của các sở, ban, ngành tỉnh.

2. Quản lý, sử dụng đội ngũ cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định hiện hành.

2. Căn cứ nội dung quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 186, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quy định này: Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh quy định cụ thể về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau quy định cụ thể về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương quản lý.

3. Giám đốc Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi việc thực hiện Quy định này.

Điều 16. Quy định về sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Frân Hồng Quân